TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT
Ngày 24-4-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020; Thông báo chuyển ngày xét xử số 08/TB-TDS ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 35/TB-TDS ngày 31 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn D; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số N, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Chu Thị P; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị V1; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Công T: Ông Huỳnh Mỹ L, Luật sư, Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Linh C; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị K; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Nguyễn Anh V; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Ông Lương Bình P; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Lương Huy H; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Anh Lương Mạnh H; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Chị Lương Thị H; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Chị Lương Minh H; cư trú tại: Thôn Bản P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Ma Quốc P; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Anh Ma Văn H; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Xuân T; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Anh Nguyễn Văn B; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị L; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

14. Cụ Nguyễn Mạnh B; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Cụ Vy Thị Đ; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Hoài N; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

17. Chị Lâm Thúy L; cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

18. Cụ Lương Văn C; cư trú tại: Xóm K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

19. Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T: Ông Bế Văn S - Chuyên viên phòng T huyện T, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản cử người tham gia tố tụng số 951/UBND-PTNMT ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị B;
2. Ông Nguyễn Văn C ;
3. Ông Trần Quốc H;
4. Ông Nguyễn Công T,
5. Chị Nông Thị T;
6. Anh Nguyễn Công H;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Ông Nguyễn Văn N,
8. Bà Nguyễn Thị P;
9. Ông Nguyễn Công C;
10. Ông Nguyễn Văn K;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn D, Bà Chu Thị P, Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị V1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D, Bà Chu Thị P, Bà Nguyễn Thị V, Bà Nguyễn Thị V1 với bị đơn là ông Nguyễn Công T tranh chấp với nhau quyền

quản lý, sử dụng 313,6m^2 đất thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (thửa đất số 228); trên đất tranh chấp có 05 đoạn tường rào bê tông lưới B40, 02 bụi cây tre, 01 cây sưa; theo kết quả định giá, trị giá quyền sử dụng đất là 188.160.000 đồng, trị giá tài sản trên đất là 31.478.000 đồng, tiền công đổ đất là 13.160.000 đồng.

Theo các nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do ông cha để lại cho hai cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Văn P. Cụ Nguyễn Văn C chỉ sinh được một người con là cụ (Nguyễn Thị S), là mẹ đẻ của các nguyên đơn. Cụ Nguyễn Văn P sinh được 07 người con trong đó có cụ Nguyễn Mạnh B, là bố vợ của bị đơn. Sau khi cụ Nguyễn Văn P chết, cụ Nguyễn Văn C thấy cụ Nguyễn Mạnh B sử dụng phần ao của cụ Nguyễn Văn P được chia, nên cụ Nguyễn Văn C đã chia một phần ao của mình cho cụ Nguyễn Văn H (em trai cụ Nguyễn Mạnh B). Vì vậy, từ 01 cái ao to ban đầu chỉ chia thành 02 cái áo nhưng sau này trở thành 03 cái ao. Ao của cụ Nguyễn Văn H tiếp giáp với ao ông Nguyễn Văn D (tức thửa 196), giữa các ao có ranh giới là các bờ ao.

Cụ Nguyễn Văn C quản lý, sử dụng phần diện tích đất ao của mình sau đó đến mẹ của nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị S, đến năm 1973 gia đình ông Nguyễn Văn D quản lý, canh tác liên tục. Năm 1994 đình ông Nguyễn Văn D chuyển đến nơi khác (cách nơi ở cũ khoảng 500m) sinh sống và nước ở trong làng chảy xuống ao nhiều nên không sử dụng được nhưng gia đình ông Nguyễn Văn D vẫn quản lý, thường xuyên kè đắp bờ. Năm 2014, Bà Chu Thị P có kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nhưng không được cấp mà không biết vì lý do gì. Năm 2017, ông Nguyễn Văn D thấy ông Nguyễn Công T đổ đất sang cả phần ao mà ông Nguyễn Văn D đang quản lý sử dụng nên ông Nguyễn Văn D đã báo thôn lập biên bản; tháng 3 năm 2019 gia đình ông Nguyễn Công T tiếp tục xây tường rào lên diện tích đất đang tranh chấp. Khi việc tranh chấp được UBND xã Đ hòa giải, ông Nguyễn Văn D mới biết ông Nguyễn Công T được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp nói trên.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Công T múc đất, tháo dỡ tường rào di chuyển đi nơi khác để trả lại đất như hiện trạng ban đầu (là ao) cho nguyên đơn; yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho ông Nguyễn Công T đối với thửa số 228, tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính xã Đ.

Bị đơn là ông Nguyễn Công T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Văn B, cụ Nguyễn Mạnh B, cụ Vy Thị Đ trình bày: Đất tranh chấp nguồn gốc là cái ao của các cụ để lại cho bố vợ của ông Nguyễn Công T (cụ Nguyễn Mạnh B). Năm 1992 cụ Nguyễn Mạnh B chia cho vợ chồng ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng. Đến năm 2013 ông Nguyễn Công T kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông Nguyễn Công T đồng ý cho vợ chồng anh Nguyễn Hoài N, chị Lâm Thúy L (cháu của ông Nguyễn Công T) đổ đất và xây tường rào trên đất tranh chấp. Trước khi tháo nước và lấp ao ông

đều báo chính quyền địa phương. Khi kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nói trên không phát sinh tranh chấp, nên việc được cấp GCNQSDĐ của gia đình ông Nguyễn Công T là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bị đơn và người có quyền lợi liên quan về phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L trình bày: Được sự đồng ý của ông Nguyễn Công T, tháng 8 năm 2017 vợ chồng anh chị đã đổ đất, lấp ao để làm đường đi vào bãi đất của gia đình, sau đó lại tiếp tục xây tường rào lưới sắt B40 để lấy chỗ đỗ xe ô tô. Vợ chồng anh nhất trí với kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn xác định số lượng đất đổ là 470m^3, quy ra tiền là 13.160.000 đồng. Nếu giao cho ông Nguyễn Công T quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thì vợ chồng anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L không có yêu cầu về công đổ đất, xây tường rào; nếu giao cho ông Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng thì vợ chồng anh Nguyễn Hoài N, chị Lâm Thúy L yêu cầu ông Nguyễn Văn D bồi thường tiền công đổ đất, tiền xây tường rào theo kết quả định giá là 44.160.000 đồng và không nhất trí với yêu cầu khôi phục lại tình trạng đất mà nguyên đơn đưa ra.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn là ông Bế Văn S khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Công T đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng nên không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà các nguyên đơn đưa ra. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 229, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 101, 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 3, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 về việc: Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 228, tờ bản đồ số 74, diện tích 313,6m^2, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho ông Nguyễn Văn D; yêu cầu buộc ông Nguyễn Công T chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất như hiện ban đầu và yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BS 963796 do UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Nguyễn Công T đối với thửa đất nói trên.

Ông Nguyễn Công T được quyền quản lý, sử dụng 313,6m^2 đất thuộc thửa số 228, tờ bản đồ số 74, thuộc Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất; thửa đất có độ dài các cạnh và vị trí tiếp giáp theo trích lục bản đồ địa chính khu đất kèm theo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, các nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết: Công nhận quyền quản lý, sử dụng thửa số 228, tờ bản đồ số 74, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, Lạng Sơn cho ông Nguyễn Văn D; buộc ông Nguyễn Công T chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất như hiện trạng ban đầu và yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BS 963796, số vào sổ CH 04720 do UBNDTràng Định cấp cho hộ ông Nguyễn Công T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người kháng cáo là ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L (vợ của bị đơn ông Nguyễn Công T) có mối quan hệ nội tộc. Những người được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng gồm bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Công H đều xác nhận nguồn gốc đất là của gia đình ông Nguyễn Văn D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Công T thừa nhận cái ao của cụ Nguyễn Văn H chính là thửa đất số 196 tiếp giáp thửa đất số 228. Do vậy, có cơ sở khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn Văn D.

Tại thời điểm kê khai cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 228, ông Nguyễn Công T không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 101 Luật đất đai năm 2013). Mặt khác, ngoài lời khai của ông Nguyễn Công T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía ông Nguyễn Công T không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh gia đình ông Nguyễn Công T là người đã và đang quản lý sử dụng thửa đất số 228 vào thời điểm đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ. Bên cạnh đó, có căn cứ để xác định gia đình ông Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp ổn định, liên tục từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993. Vì vậy, ông Nguyễn Văn D thuộc đối tượng được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003. Việc UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 228 là không đúng đối tượng và không đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định tại tại tiểu mục 2.1, 2.2 mục 2; tiểu mục 3; tiểu mục 4.3 mục 4 phần II Hướng dẫn số 102/HD-STNMT ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Sở T tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 228 mà UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho Ông Nguyễn Công T và

bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

Ngoài việc thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến xác định không đúng thẩm quyền giải quyết, Tòa án sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng khác như: Không hướng dẫn ông Nguyễn Công T, anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L thực hiện yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa thụ lý đầy đủ các quan hệ pháp luật cần phải giải quyết trong vụ án; xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Vì vậy, để bảo đảm nguyên tắc 02 cấp xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tràng Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn là ông Nguyễn Công T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Mạnh B cho vợ chồng ông quản lý sử dụng từ năm 1992, đó chính là thửa đất số 228 tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính xã Đ, giáp với ao của cụ Nguyễn Văn H (thửa đất số 196). Năm 1994, Ông Nguyễn Công T mua lại cái ao của nhà ông Nguyễn Văn T (con của cụ Nguyễn Văn H), cái ao này hiện nay do con trai của Ông Nguyễn Công T quản lý, sử dụng, không liên quan đến đất đang tranh chấp. Đối với diện tích đất đang tranh chấp, gia đình ông đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ nên ông không đồng ý với yêu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Xuân T nhất trí với ý kiến, yêu cầu của Ông Nguyễn Công T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Mạnh B cho vợ chồng ông Nguyễn Công T quản lý sử dụng từ năm 1992 đến năm 2013 thì kê khai và được cấp GCNQSDĐ vào năm 2014. Lời khai của những người làm chứng mà nguyên đơn đưa ra chưa đủ căn cứ pháp lý xác định ông Nguyễn Văn D là người quản lý sử dụng ổn định, liên tục đối với thửa đất số 228. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L đối với diện tích đất tranh chấp nói trên là đúng đối tượng, phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; nếu Tòa án giải quyết cho ông ông Nguyễn Văn D được quyền quản lý sử dụng đất đang tranh chấp thì anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm bồi thường chi phí đổ đất và xây tường rào theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Lời khai của bị đơn là ông Nguyễn Công T có sự mâu thuẫn về nguồn gốc đất tranh chấp; ông Nguyễn Công T không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông được bố mẹ vợ cho đất đang tranh chấp. Bên cạnh đó, lời khai của những người làm chứng đều khẳng định gia đình ông Nguyễn Văn D là người sử dụng đất tranh chấp. Mặt khác, qua lời khai của ông Nguyễn Công T tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, có căn cứ xác định trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 228 cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L là không đúng đối tượng, không đúng quy định của Luật đất đai, nên có căn cứ hủy GCNQSDĐ nêu trên. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ về việc quản lý Nhà nước đối với đất tranh chấp thời điểm trước khi ông Nguyễn Công T kê khai cấp GCNQSDĐ, chưa làm rõ quá trình quản lý, sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn, đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm khác như: Xác định tư cách nguyên đơn đối với bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 chưa đúng, không định giá hết tài sản tranh chấp.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, việc vắng mặt của một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp; trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Nguyễn Công T đối với diện tích đất tranh chấp chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ.

[3] Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện: Thửa đất số 228 được đo tách từ thửa đất số 64, tờ bản đồ số 13, bản đồ giải thửa số 299 xã Đ đo đạc năm 1986, mục đích sử dụng là đất ao; được bà Nguyễn Thị S (mẹ của nguyên đơn) quản lý sử dụng, sau này do ông Nguyễn Văn D trực tiếp quản lý sử dụng; trước thời điểm được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đang tranh chấp, gia đình Ông Nguyễn Công T chưa quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp bao giờ. Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 228 cho hộ ông Nguyễn Công T được thực hiện theo dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính 33 xã và Hướng dẫn số 102/HD-STNMT ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Sở T tỉnh Lạng Sơn. Theo nội dung hướng dẫn, người sử dụng đất phải nhận diện các thửa đất do mình đang quản lý sử dụng trên bản đồ địa chính, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra, đối soát giữa các tài liệu sổ mục kê ruộng đất, sổ đăng ký

ruộng đất, sổ mục kê đất đai...Tuy nhiên, hồ sơ cấp GCNQSDĐ đất cho hộ ông Nguyễn Công T đối với thửa đất số 228 không có tài liệu chứng minh người sử dụng đất nhận diện thửa đất mình đang quản lý sử dụng. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T cho biết: Đơn vị thi công chỉ lập kết quả đo đạc địa chính thửa đất đối với đất ở để người sử dụng đất ký xác nhận, còn đất nông nghiệp không lập kết quả đo đạc địa chính thửa đất, thửa 228 là đất nông nghiệp nên không được lập theo dự án.

[4] Căn cứ lời khai của các đương sự tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy, việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 228 tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính xã Đ là không đúng đối tượng, không đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định tại tại tiểu mục 2.1, 2.2 mục 2; tiểu mục 3; tiểu mục 4.3 mục 4 phần II Hướng dẫn số 102/HD-STNMT ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Sở T tỉnh Lạng Sơn. Do đó, có căn cứ để hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 228 nói trên. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Tràng Định đã vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại bản khai ngày 26 tháng 7 năm 2019, bị đơn là ông Nguyễn Công T yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải bồi thường do cản trở bị đơn không rải được xi măng làm sân phơi hàng và phải đào gạch ba banh mà ông Nguyễn Văn D xây vào đất tranh chấp. Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 10 năm 2019, anh Nguyễn Hoài N, chị Lâm Thúy L trình bày: Vào tháng 7 năm 2017, sau khi được ông Nguyễn Công T đồng ý, vợ chồng anh chị đổ đất lấp ao và xây tường rào lưới sắt B40 để lấy chỗ để xe ô tô. Nếu Tòa án giải quyết giao đất tranh chấp cho ông Nguyễn Công T quản lý sử dụng thì vợ chồng anh Nguyễn Hoài N, chị Lâm Thúy L không có yêu cầu gì về công đổ đất, xây tường rào; nếu giao đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn D quản lý sử dụng thì vợ chồng anh chị yêu cầu ông Nguyễn Văn D bồi thường tiền công đổ đất, tiền xây hàng rào theo kết quả định giá. Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

[6] Căn cứ các Điều 200, 201 của Bộ luật Tố tụng đân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để xác định yêu cầu của ông Nguyễn Công T là yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu của anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Công T, anh Nguyễn Hoài N và chị Lâm Thúy L giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nói trên. Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Công T và yêu cầu của anh Nguyễn Hoài N, chị Lâm Thúy L là yêu cầu có liên quan đến vụ án và phải được giải quyết trong cùng vụ án làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn các đương sự thực hiện yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa thụ lý đầy đủ các quan hệ pháp luật cần phải giải quyết trong vụ án. Đây là vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những sai sót khác như: Hiện trạng đất tranh chấp có sự thay đổi, không còn ranh giới bờ với các thửa đất liền kề, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành cắm cọc xác định ranh giới thửa đất tranh chấp sau khi đã xem xét thẩm định tại chỗ là không phù hợp. Do đó, chưa có cơ sở để khẳng định hiện trạng diện tích đất tranh chấp như sơ họa kèm theo bản án. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng; chưa xác minh làm rõ cây sưa trên đất tranh chấp do ai trồng, ý kiến, yêu cầu của người trồng cây sưa trong vụ án này như thế nào; không hỏi cụ Lương Văn C (bố của nguyên đơn và là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị S) có ý kiến, yêu cầu như thế nào về quyền lợi của cụ Lương Văn C trong vụ án này.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử; Hội đồng xét xử thấy cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định chung.

[9] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không xem xét đến kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị V1; ý kiến, yêu cầu của các đương sự sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết vụ án. Các vấn đề về thu thập, đánh giá chứng cứ, xác định nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[11] Đối với án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn D, Bà Chu Thị P, Bà Nguyễn Thị V và Bà Nguyễn Thị V1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1, 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn D, bà Chu Thị P, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2015/0001116, AA/2015/0001117, AA/2015/0001118; AA/2015/0001119 cùng ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND H. Tràng Định, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS H.Tràng Định, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thùy